

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Năm báo cáo: 2019

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200580975, thay đổi lần thứ 11, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hải Phòng cấp ngày 08/8/2019
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 90.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3836379
- Số fax: 0225.3836151
- Website: www.vimadeco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): VMS

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty được thành lập ngày 30/10/1992 với tên gọi Tổng công ty Phát triển Hàng hải theo quyết định số 2444-QĐ/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.
- Quyết định số 1195/QĐ/TCCB-LĐ ngày 16/6/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty Phát triển Hàng hải.
- Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển DNNN Công ty Phát triển Hàng hải, đơn vị thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 40.000.000.000 đồng
- Ngày 01/6/2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 60.000.000.000 đồng.
- Ngày 11/2/2015 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 90.000.000.000 đồng.
- Ngày 20/10/2015 Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính:
- + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- + Cho thuê kho, bãi;
- + Khai thác ICD;
- + Đại lý và cho thuê, mua bán container, rơ moóc;
- + Sửa chữa vỏ container;
- + Dịch vụ logistics; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan; Dịch vụ vận tải đa phương thức;
- + Dịch vụ cung cấp nhiên liệu;
- Địa bàn kinh doanh (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

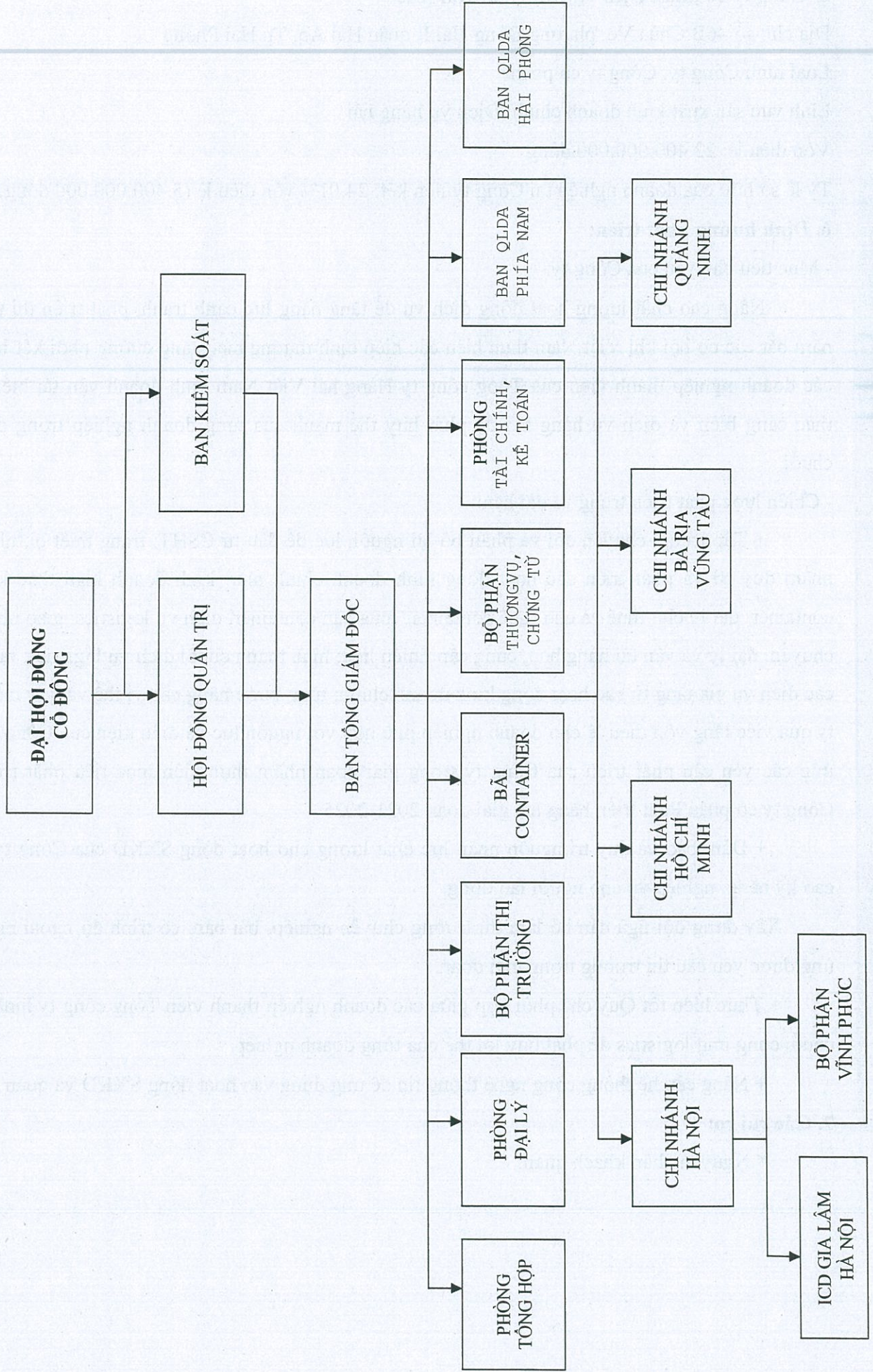
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty.

Sơ đồ tổ chức:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



5. Các công ty con, công ty liên kết:

a/ Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu:

Địa chỉ: số 46B Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, Tp.Hải Phòng

Loại hình Công ty: Công ty cổ phần

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ hàng hải

Vốn điều lệ: 22.400.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của doanh nghiệp tại Công ty liên kết: 24,01% vốn điều lệ (5.400.000.000 đồng)

6. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ để tăng năng lực cạnh tranh, phát triển thị trường, nắm bắt các cơ hội khi Việt Nam thực hiện các hiệp định thương mại; tăng cường phối kết hợp với các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam kinh doanh vận tải biển, khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải để phát huy thế mạnh của từng doanh nghiệp trong dịch vụ chuỗi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Tập trung, chuyển đổi và phân bổ lại nguồn lực để đầu tư CSHT, trang thiết bị, nhân lực nhằm duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh chính như: kinh doanh khai thác kho bãi container, đại lý cho thuê và cho thuê container, mua bán container, dịch vụ logistics, giao nhận vận chuyển, đại lý và vận tải hàng hóa, cung cấp nhiên liệu; hình thành chuỗi dịch vụ logistics, tạo thêm các dịch vụ gia tăng từ các hoạt động kinh doanh chính; từng bước nâng cao vị thế và quy mô Công ty qua việc tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp phù hợp với nguồn lực và điều kiện của Công ty, đáp ứng các yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn nhằm thực hiện mục tiêu phát triển của Công ty cổ phần Phát triển hàng hải giai đoạn 2021-2025

+ Đảm bảo và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cho hoạt động SXKD của Công ty, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho người lao động.

Xây dựng đội ngũ cán bộ làm thị trường chuyên nghiệp, bài bản, có trình độ ngoại ngữ, đáp ứng được yêu cầu thị trường trong giai đoạn.

+ Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa các doanh nghiệp thành viên Tổng công ty hình thành chuỗi cung ứng logistics để phát huy lợi thế của từng doanh nghiệp.

+ Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để ứng dụng vào hoạt động SXKD và quản lý.

7. Các rủi ro:

* Nguyên nhân khách quan:

- Thị phần khai thác container shipping dành cho các doanh nghiệp khai thác depot đơn thuần ngày càng thu hẹp do các hãng tàu nước ngoài có xu hướng liên doanh, liên kết với các cảng biển hoặc tự tổ chức khai thác để khép kín dịch vụ, hạn chế sử dụng các bãi container ngoài dẫn đến sự cạnh tranh rất quyết liệt giữa các doanh nghiệp khai thác depot. Mặt khác, các hãng tàu nước ngoài đã giảm khai thác các tàu cỡ nhỏ và đưa tàu mẹ vào khai thác tại cụm cảng nước sâu Cái Mép – Thị Vải tại tỉnh BR-VT, cảng Lạch Huyện nên sản lượng container tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh cũng như khu vực Chùa Vẽ, Đình Vũ ngày càng giảm. Các depot của Công ty đều có vị trí địa lý cách xa trung tâm các cụm cảng nói trên nên gần như không thể cạnh tranh được với các doanh nghiệp khai thác kho bãi khác.

- Sản lượng container Leasing về depot tăng mạnh hơn dự kiến, thậm chí tới tháng 7/2019 depot tại khu vực TP Hồ Chí Minh không còn chỗ xếp cont Leasing phải yêu cầu các hãng tạm dừng một thời gian, tuy nhiên do việc tạm dừng này, các hãng đã tìm thêm các depot khác thay thế do vậy sản lượng các tháng cuối năm 2019 giảm đi so với lúc cao điểm giữa năm.

- Tại TP. HCM các depot của Công ty đều nằm xa trung tâm cảng, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị ngày càng xuống cấp. Các khu đất đều chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ, đất thuê ngắn hạn hàng năm và nằm trong quy hoạch đã ảnh hưởng rất nhiều đến công tác đầu tư, duy tu, sửa chữa dẫn đến làm giảm tính cạnh tranh và rất khó khăn trong công tác duy trì, phát triển khách hàng container shipping.

- Theo Nghị định 68/2016/NĐ-CP, ICD Gia Lâm đã bị thu hồi giấy phép khai thác ICD, việc xin chuyển đổi thành địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung không thực hiện được do không đáp ứng được quy định của cơ quan chức năng.

- Do giá nhiên liệu thế giới biến động và ảnh hưởng bởi các chính sách vĩ mô của Nhà nước như: việc kiểm chế lạm phát, giữ chỉ số giá tiêu dùng CPI để ổn định nền kinh tế, chi phí bán hàng tăng thêm, khách hàng chậm thanh toán, chi phí trích lập dự phòng nhiều ... dẫn đến hiệu quả kinh doanh nhiên liệu thấp.

- Dịch vụ vận tải đối mặt với rất nhiều khó khăn như: không có phương tiện vận chuyển, thường xuyên bị các đơn vị vận chuyển mới cạnh tranh phá giá khiến Vimadeco phải chia sẻ giảm sản lượng và giảm giá cước, trong khi giá cước đầu vào khó thay đổi. Cụ thể, việc Vimadeco vận chuyển cho Nhà máy Đạm Cà Mau trong các năm trước chỉ có 03 đơn vị vận chuyển, nhưng năm nay có 07 đơn vị vận chuyển cùng tham gia. Ngoài ra Đạm Cà Mau trước đây bán hàng vận chuyển đến tận nơi cho khách hàng nhưng nay khách hàng tự lo khâu vận chuyển, nên họ không thuê các đơn vị vận chuyển truyền thống của Đạm Cà Mau vv...

* Nguyên nhân chủ quan:

- Khả năng tài chính của Công ty hạn chế, không dùng vốn vay trong công tác đầu tư, chưa thể tăng vốn điều lệ do thời điểm chưa phù hợp nên rất khó khăn trong việc tìm kiếm quỹ đất phù hợp để đầu tư kho, bãi tại Hải Phòng và Tp. Hồ Chí Minh.

- Khó khăn trong cạnh tranh với các đơn vị tư nhân bên ngoài về cơ chế chính sách cho khách hàng để phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng mới.

- Công tác phát triển thị trường chưa thực sự mang lại hiệu quả.

- Công nợ gối đầu cao nên gặp khó khăn về dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư. Đối với một số công nợ quá hạn phải trích lập dự phòng với số tiền nhiều cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của Công ty. Mặc dù Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi công nợ nhưng do ngành vận tải là ngành có nhiều yếu tố dẫn đến rủi ro nên bản thân khách hàng cũng gặp rủi ro trong hoạt động vận chuyển, ảnh hưởng đến nguồn tiền và khả năng thanh toán cho Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình thị trường kinh doanh khai thác kho bãi container năm 2019 vẫn gặp nhiều khó khăn, tình trạng cung vượt cầu về kho bãi trong nhiều năm tại Hải Phòng và Tp, HCM dẫn đến mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt về sản lượng cũng như hiệu quả kinh doanh trong điều kiện thị phần dành cho các doanh nghiệp khai thác kho bãi giảm dần nhất là do tác động ảnh hưởng việc Cảng HICT Lạch Huyện được đưa vào khai thác từ tháng 5/2018 và trước đó là Cụm cảng nước sâu Cái Mép – Thị Vải tại tỉnh BR-VT với khả năng khi thác ngày càng tăng.

Với ưu thế của cảng nước sâu, Cụm cảng nước sâu Cái Mép – Thị Vải, Cảng HICT Lạch Huyện đã từng bước thu hút các hãng tàu nước ngoài đưa tàu có sức chở lớn vào khai thác để giảm thiểu chi phí, vì vậy để nắm giữ hãng tàu các cảng còn lại hoặc xây dựng kho bãi, ICD tại khu vực Đình Vũ tạo cánh tay nối dài cho cảng, hoặc liên doanh, liên kết với hãng tàu lập ra các doanh nghiệp khai thác kho bãi để khép kín dịch vụ và tạo thêm dịch vụ gia tăng; vì vậy sản lượng container thông qua kho bãi không thuộc các doanh nghiệp cảng có xu hướng giảm phải cạnh tranh bằng giá, bằng Free các dịch vụ làm mà không thu tiền. Vì vậy việc kinh doanh khai bãi tại khu vực Tp, Hồ Chí Minh và Hải Phòng năm 2019 vẫn gặp nhiều khó khăn.

Đối với dịch vụ container leasing, năm 2019 tương đối thuận lợi đối với khu vực TP Hồ Chí Minh. Lượng container về các depot tăng dần từ đầu năm, đảm bảo công việc cho người lao động. Cuối năm 2019 với việc đẩy mạnh công tác thị trường, thị trường cho thuê container vẫn giữ được sự ổn định về doanh thu và sản lượng nhờ nhu cầu tăng cao về container của các hãng tàu nội địa, phát triển dịch vụ depot cho hãng tàu nội.

Thị trường vận tải bộ năm 2019 tiếp tục là một năm nhiều khó khăn, lượng cung xe container vượt cầu dẫn đến giá cước bị cạnh tranh gay gắt và không thể tăng được mặc dù các chi phí đầu vào tăng cao đặc biệt là chi phí nhiên liệu và nhân công.

Thị trường dịch vụ giao nhận vận chuyển container năm 2019 ổn định, Công ty đã xây dựng mối quan hệ hợp tác với TMV và Nitori, Canon (Công ty Nhật Bản chuyên sản xuất hàng xuất khẩu) hình thành nên dịch vụ chuỗi trong việc vận tải đường bộ tạo giá trị gia tăng cho cả 4 đơn vị.

Trong năm 2019 thị trường dầu mỏ thế giới biến động khó lường do các yếu tố chính trị, xã hội, chiến tranh, thương mại... dẫn đến chiết khấu của doanh nghiệp bán lẻ nhiên liệu bị ảnh hưởng. Cụ thể năm 2019 tuy sản lượng nhiên liệu bán cao hơn năm 2018 (tăng 10,2% doanh thu) nhưng lợi nhuận lại thấp hơn năm 2018 nên ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty

Năm 2019, doanh thu đạt 242,059 tỷ đồng đạt 98,79% kế hoạch, lợi nhuận đạt 7,818 tỷ đồng đạt 97,72% kế hoạch. Mặc dù, chưa đạt kế hoạch Tổng công ty giao nhưng đây là sự cố gắng rất lớn của tập thể lãnh đạo và CBCNV trong toàn Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác):

+ Ông Nguyễn Văn Dũng - Tổng giám đốc Công ty (Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải từ 31/7/2019)

Ngày sinh: 20/8/1966

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 030665504

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 40/96 Hai Bà Trưng, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc Công ty (miễn nhiệm từ 31/7/2019).

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Ông Đoàn Ngọc Tú – Tổng giám đốc Công ty (Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải từ 31/7/2019)

Ngày sinh: 09/4/1979

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 031079001279

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 169 Hùng Duệ Vương, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Hải

Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Tổ chức và Quản lý vận tải

Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc Công ty (bổ nhiệm từ 31/7/2019)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Ông Nguyễn Chí Kiên – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 25/01/1963

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 030090579

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 38/120 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 49.500 CP (0.55%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Mai Tiến Sỹ – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 26/8/1969

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 024395033

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 76 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TPHCM

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.550 CP (0.0172%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Hoàng Thanh Hải – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 27/6/1975

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 031075003060

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: A9 Lô 12 ĐTM Định Công, Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0 CP

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Ông Đậu Anh Dũng – Kế toán trưởng Công ty (miễn nhiệm từ ngày 30/10/2019)

Ngày sinh: 23/01/1982

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 040082000183

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 6/44 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty (miễn nhiệm từ 30/10/2019)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.125 CP (0.0125%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Trưởng BKS Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Bà Bùi Thị Thu Hà – Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng TCKT Công ty (bỏ nhiệm từ ngày 30/10/2019). Ngày 17/01/2020 miễn nhiệm Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng TCKT Công ty

Ngày sinh: 17/8/1976

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 031176004271

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 48, Lê Chân, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng TCKT Công ty (bổ nhiệm từ 30/10/2019), miễn nhiệm ngày 17/01/2020

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0CP (0%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Bà Trần Thị Hằng – Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng TCKT Công ty (bổ nhiệm từ ngày 17/01/2020)

Ngày sinh: 30/7/1980

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 031038060

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 30/29 Hai Bà Trưng, An Biên, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán

Chức vụ hiện tại: Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng TCKT Công ty (bổ nhiệm ngày 17/01/2020)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0CP (0%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Công ty đảm bảo đời sống và thu nhập cho CBCNV, thực hiện trả lương đúng và đủ cho người lao động.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định hiện hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư trụ cứu hỏa, sửa chữa kho CFS bãi Chùa Vẽ - Hải Phòng: Kế hoạch kinh phí là 275 triệu đồng, kinh phí thực hiện 272 triệu đồng.

- Sửa chữa văn phòng 11 Võ Thị Sáu, Hải Phòng: Kế hoạch được HĐQT phê duyệt là 800 triệu đồng, kinh phí thực hiện là 782 triệu đồng;

- Sửa chữa bãi container tại Hải Phòng: Kế hoạch được HĐQT phê duyệt là 500 triệu đồng, kinh phí thực hiện là 463 triệu đồng;

- Các hạng mục khác chưa thực hiện:

Hợp tác kinh doanh, hợp tác đầu tư 03 dự án Khu chung cư Phước Long A, Khu nhà ở Phước Bình và dự án tại ICD Phước Long tại Tp.Hồ Chí Minh: Chưa đạt được thỏa thuận HTKD, HTĐT với đối tác nên chưa triển khai được các bước tiếp theo.

Khôi phục một số hạng mục ICD Gia Lâm khi Nhà nước thu hồi một phần đất: Đã thực hiện bàn giao, hiện đang chuẩn bị xây dựng tường rào và các công trình phụ trợ.

Đầu tư cơ sở vật chất cho Chi nhánh Hà Nội trong trường hợp được chuyển giao ICD Gia Lâm: Do chưa sắp xếp lại, xử lý tài sản tại ICD Gia Lâm nên chưa thực hiện đầu tư.

Đầu tư 2-4ha kho, bãi tại Tp.Hồ Chí Minh: Chi nhánh HCM chưa tìm được quỹ đất phù hợp để đầu tư.

Đầu tư 05 xe đầu kéo + romooc: Thị trường vận tải bộ vẫn khó khăn nên Công ty chưa đầu tư.

b) Một số vấn đề liên quan đến các dự án của Công ty:

-Chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại ICD Gia Lâm: Thực hiện NQ ĐHCĐ năm 2018, Công ty đã lập báo cáo kê khai và đề xuất phương án xử lý đối với cơ sở nhà, đất tại ICD Gia Lâm Hà Nội là chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thông qua hình thức đấu giá nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất cho Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hiện đang chờ ý kiến của cơ quan chức năng.

-Hợp tác kinh doanh, hợp tác đầu tư các dự án tại ICD Phước Long, Khu chung cư Phước Long A và Khu nhà ở Phước Bình tại quận 9, Tp.Hồ Chí Minh:

Tại khu đất ICD Phước Long: Tháng 11/2017 Công ty đã lập phương án di dời báo cáo UBND Thành phố. Tháng 10/2018, Công ty tiếp tục trình Đề xuất phương án di dời ICD Phước Long trên cơ sở vận dụng Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, tuy nhiên, Công ty chưa nhận được hướng dẫn và chỉ đạo bằng văn bản của cơ quan chức năng Tp.Hồ Chí Minh.

Với 2 dự án Khu chung cư Phước Long A và Khu nhà ở Phước Bình: Việc xét công nhận Công ty là nhà đầu tư thứ cấp vẫn đang bế tắc do chủ đầu tư chính của dự án là Công ty cổ phần Địa ốc 10 không triển khai được các bước tiếp theo của dự án, vì vậy quy hoạch chi tiết 1/500 cho hai dự án trên chưa được thực hiện theo Hợp đồng đã ký từ năm 2010.

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017, ngày 16/6/2017 HĐQT Công ty đã có Nghị quyết số 45/NQ-PTHH phê duyệt lựa chọn đối tác để hợp tác đầu tư các dự án là Công ty TNHH Đầu tư XNK Ngọc Việt và Công ty cổ phần An Phú (Liên danh) bằng cách thành lập pháp nhân mới. Năm 2019, ĐHĐCĐ thông qua chủ trương hợp tác kinh doanh, hợp tác đầu tư thành lập pháp nhân mới với Liên danh Công ty TNHH Đầu tư XNK Ngọc Việt và Công ty cổ phần An Phú về các dự án của Công ty tại Tp.Hồ Chí Minh. Đến nay, Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn làm việc với đối tác lập và hoàn thiện phương án hợp tác kinh doanh dự án tại ICD Phước Long, hợp tác đầu tư dự án Khu chung cư Phước Long A, Khu nhà ở Phước Bình.

Ngày 07/6/2019, HĐQT Công ty đã có Nghị quyết thông qua các nội dung về các dự án của Công ty tại Tp.Hồ Chí Minh, cụ thể:

+ Đối với Dự án tại ICD Phước Long: Thông qua chủ trương hợp tác kinh doanh với Liên danh Công ty TNHH Đầu tư XNK Ngọc Việt và Công ty cổ phần An Phú (Liên danh) để đầu tư phát triển dự án Trụ sở văn phòng – khu trưng bày sản phẩm tại khu đất ICD Phước Long, phường Phước Long A, quận 9, TP Hồ Chí Minh để Vimadeco triển khai các thủ tục pháp lý theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước cho phép Vimadeco chuyển đổi mục đích sử dụng đất, làm chủ đầu tư dự án nêu trên theo nguyên tắc đúng quy định pháp luật; đảm bảo quyền sử dụng, quản lý đất của doanh nghiệp và đảm bảo lợi ích cao nhất cho Vimadeco. Tỷ lệ hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận của Vimadeco và Liên danh trong Dự án lần lượt là 51%/ 49%.

+ Đối với Dự án Khu chung cư phức hợp Phước Long A: Thông qua chủ trương hợp tác đầu tư thành lập pháp nhân mới với Liên danh Công ty TNHH Đầu tư XNK Ngọc Việt và Công ty cổ phần An Phú (Liên danh) để đầu tư phát triển Dự án khu chung cư phức hợp Phước Long A phường Phước Long A, quận 9, thuộc Dự án Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc, để Vimadeco triển khai các thủ tục pháp lý theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước cho phép Vimadeco hợp tác cùng Liên danh đầu tư dự án nêu trên theo nguyên tắc đúng quy định pháp luật; đảm bảo quyền sử dụng, quản lý đất của doanh nghiệp và đảm bảo lợi ích cao nhất cho Vimadeco. Số vốn góp/ cổ phần theo tỷ lệ góp vốn của Vimadeco và Liên danh khi thành lập pháp nhân mới thực hiện dự án lần lượt là 51%/ 49%.

*. Đối với Dự án khu nhà ở Phước Bình: Nghiên cứu, tổng hợp, xử lý trên cơ sở đề xuất của NLĐ, NĐDPV báo cáo Tổng công ty xem xét có ý kiến nhằm đảm bảo quyền lợi của NLĐ góp vốn cho Dự án này đồng thời tuân thủ các quy định của Pháp luật

Tuy nhiên đến nay, phía Liên danh chưa thống nhất với các đề xuất của Công ty theo tinh thần chỉ đạo của HĐQT dựa trên các văn bản của VIMC.

c) Các vấn đề khác liên quan đến quản lý, sử dụng đất của Công ty tại Tp.Hồ Chí Minh.

Việc thực hiện đền bù trong dự án thành phần thuộc dự án Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc với Công ty:

Ngày 07/02/2018 Bộ Tài nguyên và Môi trường có Quyết định số 432/QĐ-BTNMT về việc công nhận Quyết định số 4645/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của UBND Tp.Hồ Chí Minh. Như vậy, Công ty không được công nhận quyền sử dụng 6.748m² đất trong đó có khoảng 1.655m² đất tại Dự án Khu chung cư phức hợp Phước Long A, 3.604m² đất thuộc phần diện tích phải bàn giao cho Công ty Saca theo hợp đồng số 69/VMD-SACA ngày 15/12/2003. Theo nội dung hợp đồng, Công ty đồng ý cho Saca thực hiện việc đền bù dưới hình thức Công ty góp vốn đầu tư bằng một phần quỹ đất đã đền bù năm 1997 vào dự án thuộc quy hoạch của Công ty Saca là 18.137 m² để nhận 2.943,27 m² đất nền có CSHT, có Giấy CNQSD đất. Sau khi nhận 2.943,27 m² đất có CSHT, từ tháng 10/2007 đến tháng 02/2008, Công ty đã bàn giao lại 5/6 nền và nhận 32,28 tỷ tiền tái đền bù từ Saca, 01 nền còn lại Công ty quản lý diện tích 432,22 m² chưa bàn giao. Hiện nay Thanh tra Chính phủ chưa có kết luận về việc khiếu nại của hộ ông Huỳnh Ngọc Hiệp liên quan đến dự án Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc, trong đó có diện tích đất do công ty Vimadeco và công ty Saca quản lý nên những tồn tại nói trên chưa được giải quyết. Nếu các cấp có thẩm quyền chấp thuận thì Vimadeco có thể sử dụng diện tích 432,22 m² đất nền để bù trừ cho diện tích 3.604m² đất nông nghiệp chưa bàn giao được cho Công ty Saca trên cơ sở thương lượng theo nguyên tắc đảm bảo quyền lợi cho cả hai bên.

d) Tình hình giải quyết tranh chấp với các hộ dân:

Ngày 29/5/2019, ông Nguyễn Văn Lộ cùng gia đình đã đóng cọc beton, dựng hàng rào, đổ đất lấn chiếm một phần diện tích, ngăn cản đường vào Bãi Nam Hòa (Dự án Phước Long A). Ngày 15/7/2019, ông Nguyễn Văn Lộ có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân quận 9 yêu cầu Công ty bồi thường 3.809,1m² đất tại Bãi Nam Hòa (Dự án Phước Long A), ngày 01/8/2019 Tòa án nhân dân quận 9, Tp.Hồ Chí Minh có Thông báo số 1129/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án.

Sau khi làm việc với các cơ quan chức năng, ngày 3/01/2020, Công ty có gửi Đơn xin can thiệp cùng hồ sơ có liên quan cho UBND phường Phước Long A, quận 9 về việc hộ ông Nguyễn Văn Lộ đã lấn chiếm, rào chắn đất đã đền bù năm 1997 của Công ty với diện tích 1.600m².

Ngày 10/01/2020, UBND phường Phước Long A đã chủ trì buổi họp hòa giải. Kết quả buổi hoà giải không thành nên hội đồng hoà giải đề nghị các bên có liên quan gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 16/01/2020, Công ty làm việc với Tòa án nhân dân quận 9 về việc phản tố: Yêu cầu ông Nguyễn Văn Lộ di dời toàn bộ vật kiến trúc, hoa màu và các loại tài sản khác trên đất để trả lại 1.600m² đất đã lấn chiếm từ năm 2012 cho Công ty. Công ty tiến hành nộp án phí ngay để việc phản tố của Công ty sẽ được xét xử gộp chung với việc khởi kiện của ông Lộ. Ngày 17/01/2020, TAND Quận 9 đã có Thông báo thụ lý yêu cầu phản tố của Công ty về việc hộ ông Nguyễn Văn Lộ lấn chiếm, rào chắn đất của Công ty có phần diện tích 1600m². Việc phản tố của Công ty sẽ được Tòa xét xử gộp chung với việc khởi kiện của ông Lộ, hiện đang chờ thông báo ngày xét xử của Tòa.

đ) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty

con, công ty liên kết)/

Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải chiếm 24,01% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu.

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu là dịch vụ hàng hải

Công ty dự kiến kết quả kinh doanh năm 2019 như sau:

Doanh thu: 26.579.354.363 đồng

Lợi nhuận trước thuế: 1.936.321.745 đồng

Nộp NSNN: 2.302.366.976 đồng

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	247.822.109.346	257.050.917.005	4%
Doanh thu thuần	230.840.149.553	237.859.262.045	3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/	6.835.183.390	7.368.934.396	8%
Lợi nhuận khác	57.626.983	449.315.433	680%
Lợi nhuận trước thuế	6.892.810.373	7.818.249.829	13%
Lợi nhuận sau thuế	5.788.788.299	6.366.276.907	10%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,45	2,31	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	2,42	2,27	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,4	0,42	

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,68	0,73	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	91,66	111	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,93	0,92	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,04	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,023	0,024	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	0,03	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.000.000 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 02/12/2019):

STT	Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số lượng CP nắm giữ
1	Cổ đông trong nước		
	Tổ chức	52,88	4.759.915
	Cá nhân	46,26	4.163.083
2	Cổ đông nước ngoài		
	Tổ chức	0,86	77.000
	Cá nhân		0
3	Cổ phiếu quỹ		2

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v:

Không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch:

Không thay đổi

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số

lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán:

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty):

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	2019		Tỷ lệ % so với KH	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước
		Kế hoạch	Thực hiện		
Doanh thu	235.197	245.000	242.059	98,79	102,9
Lợi nhuận trước thuế	6.892	8.000	7.818	97,7	113,4
Nộp NSNN	Theo quy định	Theo quy định	Theo quy định		

Triệu đồng

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản đầu kỳ của Công ty là: 247.822.109.346 đồng trong đó tài sản ngắn hạn là: 115.877.087.418 đồng và tài sản dài hạn là: 131.945.021.928 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ của Công ty là: 257.050.917.005 đồng trong đó tài sản ngắn hạn là: 129.210.882.218 đồng và tài sản dài hạn là: 127.840.034.787 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ tăng 4% so với đầu kỳ trong đó: Tài sản ngắn hạn tăng 12% do đầu tư tài chính ngắn hạn tăng, tài sản dài hạn giảm 3% do giảm tài sản dài hạn khác.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả của Công ty đầu kỳ là: 100.276.216.986 đồng trong đó nợ ngắn hạn là: 47.371.557.073 đồng và nợ dài hạn là 52.904.659.913 đồng.

Nợ phải trả cuối kỳ của Công ty là: 109.259.704.813 đồng trong đó nợ ngắn hạn là: 55.870.108.338 đồng và nợ dài hạn là 53.389.596.475 đồng.

Nợ phải trả ngắn hạn cuối kỳ tăng 18% so với đầu kỳ chủ yếu là do phải trả người bán và khoản phải trả người lao động tăng.

Nợ dài hạn cuối kỳ tăng nhẹ so với số đầu kỳ.

Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty không có các khoản vay nên không bị ảnh hưởng bởi chênh lệch lãi vay.

Liên quan đến Dự án Phước Bình, giá trị 53,227 tỷ đồng nợ phải trả dài hạn tương đương với tài sản, chiếm 20,7% tổng nguồn vốn/tổng tài sản.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực, đoàn kết chỉ đạo điều hành, nỗ lực cố gắng để tập trung phát triển thị trường và khách hàng trên cơ sở giữ vững các khách hàng truyền thống và tìm kiếm, phát triển thêm các khách hàng mới, đặc biệt là các khách hàng cho các dịch vụ: kho, bãi container, logistics và giao nhận vận chuyển.

Công ty sẽ phối hợp với các Doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty để cung cấp dịch vụ liên quan cho các khách hàng như Thép Hòa Phát Dung quất, VNPost ...

- Duy trì chất lượng dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường; từng bước tái cơ cấu lại hoạt động dịch vụ; tìm kiếm, lựa chọn các cơ hội kinh doanh mới và phát triển các dịch vụ phi truyền thống có doanh thu và lợi nhuận ổn định để từng bước thay thế các dịch vụ truyền thống không còn thuận lợi.

- Tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh và quản lý.

- Thường xuyên và tích cực trong công tác thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đẩy mạnh việc hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh để thực hiện các dự án chuyển đổi công nghệ sau khi được Tổng công ty phê duyệt để tập trung nguồn lực cho công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

- Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cho Công ty đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn.

- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để ứng dụng trong sản xuất kinh doanh và quản lý.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần):

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty là hoạt động khai thác kho, bãi, ICD và container leasing, vận tải đường bộ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn. Các hãng tàu nước ngoài ngày càng đẩy mạnh việc liên doanh, liên kết với các cảng biển để khép kín dịch vụ, giảm thiểu chi phí khai thác; về khai thác hầu hết đã dịch chuyển xuống cụm cảng nước sâu Cái Mép – Thị Vải tại tỉnh BR-VT, khu vực Đình Vũ, Hải Phòng và dịch chuyển dần ra khu vực Lạch Huyện dẫn tới thị phần khai thác container shipping lines của các đơn vị kinh doanh kho, bãi ngày càng bị thu hẹp. Mặt khác do dư thừa lượng cung kho, bãi nên thị trường khai thác container shipping lines bị cạnh tranh quyết liệt về giá, về chất lượng dịch vụ, về sự đồng bộ và quy mô cơ sở hạ tầng. Các vị trí kho, bãi của Công ty tại Hải Phòng và Tp.Hồ Chí Minh đều cách xa khu vực trung tâm cảng nên rất khó khăn trong công tác phát triển thị trường và trong cạnh tranh với các kho, bãi gần khu vực trung tâm cảng có lợi thế về vị trí khai thác.

- Cùng với các dịch vụ leasing, vận tải bộ, vận tải hàng rời gặp khó khăn trong bối cảnh chung; hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2019 đã gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng bất lợi đến kết quả thực hiện và Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã giao.

- Năm 2019 Công ty đảm bảo việc làm, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, luôn tạo điều kiện đầy đủ cho các đoàn thể hoạt động về thời gian và kinh phí.

- Công tác môi trường, an sinh xã hội được tuân thủ thực hiện theo chính sách, pháp luật của Nhà nước, của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

- Ban điều hành luôn thống nhất và đoàn kết cao.

- Trong thời gian tới, Ban điều hành sẽ tạo sự gắn kết trong công tác phát triển thị trường giữa các Chi nhánh để tạo hiệu quả cao nhất trong hoạt động.

- Ban điều hành sẽ tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề còn tồn đọng, đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Ban điều hành đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục định hướng hoạt động và phát triển Công ty trong giai đoạn tới theo hướng ổn định và phát triển bền vững.

- Chú trọng công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện tốt Quy chế phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

- Quan tâm theo dõi và chỉ đạo kịp thời Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt là công tác phát triển thị trường.

- Quan tâm chú trọng kiện toàn tổ chức và bộ máy quản lý theo hướng gọn nhẹ, xây dựng nguồn nhân lực có trình độ, năng lực, kinh nghiệm thực tiễn để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh,

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để phù hợp tình hình hoạt động thực tế hiện nay và các mặt công tác khác của Công ty.

- Công ty cần chuẩn bị và tập trung mọi nguồn lực để tổ chức thực hiện thành công các dự án lớn trong thời gian tới sau khi được cơ quan cấp trên phê duyệt.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này):

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu

cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác	Ghi chú
1	Lê Quang Trung	Chủ tịch	0%	0	
2	Nguyễn Chí Kiên	Thành viên	0,55%	0	
3	Vũ Trường Giang	Thành viên	1,036%	0	
4	Trịnh Thị Ngọc Biên	Thành viên	0%	0	
5	Vũ Phước Long	TV độc lập	0%	2	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có tiểu ban thuộc HĐQT)

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc ĐHCĐ.

Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới.

Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty có 05 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

Hội đồng quản trị giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Hàng quý, năm Hội đồng quản trị tổ chức họp để kiểm điểm, đánh giá các công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đề ra phương hướng cho kế hoạch tiếp theo.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

Trong năm 2019, HĐQT Công ty đã tổ chức họp 9 cuộc họp và đã quyết định các vấn đề quan trọng như sau:

1	08/NQ-PTHH	22/01/2019	Nghị quyết về việc thanh lý TSCĐ
2	10/NQ-PTHH	30/01/2019	Nghị quyết phê duyệt phương án kinh doanh bãi container Tân Vũ
3	18/QĐ-PTHH	04/3/2019	Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn

			thành dự án mua văn phòng Chi nhánh Công ty tại TP HCM & BRVT
4	19/QĐ-PTHH	04/3/2019	Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án đầu tư trạm kinh doanh xăng dầu Chi nhánh BRVT
5	20/QĐ-PTHH	04/3/2019	Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án đầu tư depot Long Bình – TP HCM
6	21/NQ-PTHH	04/3/2019	Nghị quyết về việc ký kết Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và các bên có liên quan trong nội bộ Vinalines
7	33/NQ-PTHH	12/4/2019	Nghị quyết thông qua Quy hoạch cán bộ giai đoạn 2019-2024 cho vị trí, chức danh Giám đốc, Phó giám đốc các Chi nhánh
8	35/NQ-PTHH	06/5/2019	Nghị quyết thông qua thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
9	36/NQ-PTHH	06/5/2019	Nghị quyết thông qua quy trình, thủ tục tuyển dụng nhân sự Tổng giám đốc Vimadeco
10	40/NQ-PTHH	05/6/2019	Nghị quyết thông qua các nội dung về các dự án của Công ty tại cuộc họp HĐQT ngày 19/4/2019
11	41/NQ-PTHH	05/6/2019	Nghị quyết thông qua các nội dung tại cuộc họp HĐQT ngày 19/4/2019
12	42/QĐ-PTHH	05/6/2019	Quyết định điều chỉnh lương CBCNV
13	43/QĐ-PTHH	05/6/2019	Quyết định điều chỉnh mức lương áp dụng cho CBCNV tại Chi nhánh TP HCM và BRVT
14	46A/NQ-PTHH	07/6/2019	Nghị quyết thông qua các nội dung về các dự án của Công ty tại cuộc họp HĐQT ngày 05/6/2019
15	46/NQ-PTHH	17/6/2019	Nghị quyết thông qua các nội dung về công tác thi tuyển Tổng giám đốc Vimadeco
16	50/NQ-ĐHĐCĐ	28/6/2019	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
17	60/NQ-PTHH	17/7/2019	Nghị quyết thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019
18	61/NQ-PTHH	26/07/2019	Thông qua các nội dung tại cuộc họp HĐQT ngày 24/07/2019
19	62/NQ-PTHH	26/07/2019	Thông qua bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Công

			ty tại TP. Hà Nội
20	71/QĐ-PTHH	31/07/2019	Miễn nhiệm cán bộ thôi chức TGD của ông Nguyễn Văn Dũng
21	72/QĐ-PTHH	31/07/2019	Bổ nhiệm ông Đoàn Ngọc Tú giữ chức TGD Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải
22	75/QĐ-PTHH	31/07/2019	Thay đổi đại diện pháp luật Công ty
23	80/NQ-PTHH	20/08/2019	Nghị quyết của HĐQT về công tác cán bộ
24	83/QĐ-PTHH	01/10/2019	Thông qua việc miễn nhiệm cán bộ Trần Thị Thanh Hồng
25	85/QĐ-PTHH	08/10/2019	Thông qua Phương án sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà máy ICD Gia Lâm
26	86/QĐ-PTHH	08/10/2019	Thông qua Phương án nhượng toàn bộ vốn góp của Vimadeco tại Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines
27	87/QĐ-PTHH	08/10/2019	Công tác cán bộ
28	93/QĐ-PTHH	28/10/2019	Miễn nhiệm ông Đậu Anh Dũng – giao nhiệm vụ cho bà Bùi Thị Thu Hà
29	95/QĐ-PTHH	30/10/2019	Giao cho và Trần Thị Thu Hà phụ trách Phòng Tài chính – Kế toán
30	99/QĐ-PTHH	15/11/2019	Thông qua việc chi cổ tức năm 2018
31	104/NQ-PTHH	12/12/2019	Công tác cán bộ “Chủ trương đồng ý cho bà Bùi Thị Thu Hà thôi giữ chức vụ Phụ trách Phòng Tài chính – kế toán
32	105/NQ-PTHH	12/12/2019	Sửa chữa trụ sở văn phòng Công ty: số 11 Võ Thị Sáu – Ngô Quyền – Hải Phòng
33	106/NQ-PTHH	12/12/2019	Lựa chọn thuê tư vấn độc lập và rà soát, đánh giá của dự án phía Nam
34	107/NQ-PTHH	12/12/2019	Thông qua bản đồ chiến lược của Vimadeco

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các thành viên HĐQT sau đã hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý Crestcom

- Ông Lê Quang Trung - Chủ tịch HĐQT Công ty
- Ông Nguyễn Văn Dũng - TGD Công ty (miễn nhiệm chức danh TGD từ 31/7/2019)
- Bà Trịnh Thị Ngọc Biển - Ủy viên HĐQT Công ty

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành):

STT	Thành viên BKS	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Tạ Kim Chi	Trưởng ban	0,013%
2	Dương Thu Hiền	Ủy viên	0 %
3	Vũ Xuân Trường	Ủy viên	0,2725%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp):

- Ban kiểm soát Công ty tổ chức, giám sát việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty trên cơ sở phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát, đưa ra khuyến cáo và kiến nghị kịp thời.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty, cuộc họp giao ban về sản xuất kinh doanh Công ty khi được thông báo. Tổ chức các cuộc họp của BKS, thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty với Ban điều hành Công ty.

- Xem xét và thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

- Trong năm 2019, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu đơn thư khiếu nại nào.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ)

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty là 1.985.776.000 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm

quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty):

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: - Các Cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

- Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải được lập ngày 20/01/2020, từ trang 6 đến trang 34 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp, Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính đã được Ban Điều hành phê duyệt.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả kiểm toán, chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ths. Nguyễn Bảo Trung

Phó Tôn Giám đốc

Số Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán :

0373 - 2018 - 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, Ngày 09 tháng 03 năm 2020

Mai Quang Hiệp

Kiểm toán viên

Số Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán :

1320-2018-126-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129,210,882,218	115,877,087,418
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		31,869,904,700	51,243,506,878
1. Tiền	111		15,860,428,506	9,043,506,878
2. Các khoản tương đương tiền	112		16,009,476,194	42,200,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35,330,972,705	11,592,800,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		967,760,500	967,760,500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-661,260,500	-674,960,500
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35,024,472,705	11,300,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58,513,469,280	50,957,197,160
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		57,615,406,958	49,529,058,070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,816,024,562	2,151,852,648
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		3,061,396,269	2,850,482,705
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-3,979,358,509	-3,574,196,263
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		2,511,519,870	1,368,243,094
1. Hàng tồn kho	141		2,511,519,870	1,368,243,094

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		985,015,663	715,340,286
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		465,114,567	670,641,742
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		511,534,970	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		8,366,126	44,698,544
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		127,840,034,787	131,945,021,928
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25,326,623,831	25,114,770,139
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		24,653,398,581	24,553,304,639
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		673,225,250	561,465,500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		32,285,632,159	36,625,241,317
1. Tài sản cố định hữu hình	221		29,283,548,832	33,498,157,986
- Nguyên giá	222		127,922,000,026	128,211,510,849
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-98,638,451,194	-94,713,352,863
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		3,002,083,327	3,127,083,331
- Nguyên giá	228		3,200,000,000	3,200,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-197,916,673	-72,916,669
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48,692,018,065	48,287,511,557
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		48,692,018,065	48,287,511,557
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		16,599,666,351	16,824,944,284
1. Đầu tư vào công ty con	251			

2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5,400,000,000	5,400,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33,594,424,002	33,594,424,002
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-22,394,757,651	-22,169,479,718
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4,936,094,381	5,092,554,631
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4,936,094,381	5,092,554,631
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		257,050,917,005	247,822,109,346
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		109,259,704,813	100,276,216,986
I. Nợ ngắn hạn	310		55,870,108,338	47,371,557,073
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		20,777,647,305	17,331,726,953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5,999,976	753,362
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		1,990,716,697	676,174,004
4. Phải trả người lao động	314		7,433,630,355	4,923,138,301
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		751,935,918	857,722,187
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		24,488,466,288	23,656,027,542
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		421,711,799	-73,985,276
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		53,389,596,475	52,904,659,913
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			

6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7. Phải trả dài hạn khác	337	53,389,596,475	52,904,659,913
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	147,791,212,192	147,545,892,360
I. Vốn chủ sở hữu	410	147,791,212,192	147,545,892,360
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	90,000,000,000	90,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	90,000,000,000	90,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20,000,000,000	20,000,000,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-20,000	-20,000
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	16,830,983,651	16,830,983,651
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20,960,248,541	20,714,928,709
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	14,593,971,634	14,926,140,410
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	6,366,276,907	5,788,788,299
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	257,050,917,005	247,822,109,346


BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		237,859,262,045	230,840,149,553
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		237,859,262,045	230,840,149,553
4. Giá vốn hàng bán	11		215,512,105,287	211,652,721,286
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		22,347,156,758	19,187,428,267
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,204,027,637	3,760,093,270
7. Chi phí tài chính	22		237,203,592	948,863,468
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25		894,358,803	780,071,765
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		17,050,687,604	14,383,402,914
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30		7,368,934,396	6,835,183,390
12. Thu nhập khác	31		996,335,515	597,057,411
13. Chi phí khác	32		547,020,082	539,430,428
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		449,315,433	57,626,983
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7,818,249,829	6,892,810,373
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,451,972,922	1,095,555,477
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	8,466,597
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		6,366,276,907	5,788,788,299
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61			
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		707	643
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		707	643

**BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		7,818,249,829	6,892,810,373
2. Điều chỉnh cho các khoản			1,706,399,450	2,020,498,546
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		4,305,336,431	4,599,874,247
- Các khoản dự phòng	3		616,740,179	1,092,071,727
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		(11,129,517)	(2,896,563)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(3,204,547,643)	(3,668,550,865)
- Chi phí lãi vay	6			
- Các khoản điều chỉnh khác	7			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		9,524,649,279	8,913,308,919
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(11,528,392,132)	1,037,112,771
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,143,276,776)	1,883,674,737
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6,071,532,488	(4,743,051,721)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		361,987,425	66,024,126
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(330,715,658)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1,125,260,000)	(1,356,291,456)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,830,524,626	5,800,777,376
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(370,233,781)	(7,785,748,998)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		55,000,000	150,000,000

3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30,000,000,000)	(7,700,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,000,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,304,976,460	3,854,487,604
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-18,010,257,321	-11,481,261,394
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3,204,999,000)	(1,323,000,000)
7. Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát	37			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-3,204,999,000	-1,323,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		-19,384,731,695	-7,003,484,018
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		51,243,506,878	58,244,094,333
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11,129,517	2,896,563
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		31,869,904,700	51,243,506,878

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2020
 Người đại diện trước pháp luật của Công ty 
Tổng giám đốc



Đoàn Ngọc Tú

